Scanned

Hiệp định

giữa

Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

và

Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức

về

Hợp tác Kỹ thuật

năm 2003

Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
và
Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức -

trên tinh thần quan hệ hữu nghị sẵn có giữa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Liên bang Đức ,

với mong muốn tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị này thông qua hoạt động hợp tác kỹ thuật,

với ý thức rằng việc duy trì mối quan hệ đó là nền tảng cơ sở của bản Hiệp định này,

với mục đích đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế và xã hội tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam,

trên cơ sở biên bản đàm phán Chính phủ ngày 19 tháng 11 năm 2003 -

cùng nhất trí như sau:

Điều 1

(1) Thực hiện Hiệp định ngày 20 tháng 11 năm 1991 giữa Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức và Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về Hợp tác Kỹ thuật, các dự án sau đây sẽ được hỗ trợ

1. "Hỗ trợ xây dựng Kiểm toán Nhà nước" đến 1.000.000 Euro (bằng chữ: Một triệu Euro);

2. "Chương trình Hỗ trợ sức khỏe sinh sản" đến 2.000.000 Euro (bằng chữ: Hai triệu Euro);

3 "Chương trình Quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên" đến 4.500.000 Euro (bằng chữ: Bốn triệu năm trăm nghìn Euro);

4. "Chương trình Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ" đến 5.500.000 Euro (bằng chữ: Năm triệu năm trăm nghìn Euro);

5. "Chương trình giảm nghèo" đến 2.000.000 Euro (bằng chữ: Hai triệu Euro);

nếu sau khi thẩm định kết luận rằng các dự án đó đáp ứng đủ điều kiện để được hỗ trợ.

(2) Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức cung cấp cho các dự án nêu tại điểm 1 nhân lực, vật lực cũng như, trong trường hợp cần thiết, các khoản đóng góp tài chính bằng chi phí của mình với tổng giá trị là 15.000.000 Euro (bằng chữ: Mười lăm triệu Euro). Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức ủy nhiệm việc thực hiện các dự án từ số 1 đến số 5 nêu tại điểm 1 cho Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) tại Eschborn.

(3) Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đảm bảo có một dự trù ngân sách riêng nhằm bảo đảm thực hiện từng dự án một cách liên tục và bảo đảm rằng các đơn vị được mình uỷ nhiệm thực hiện sẽ thực hiện các hoạt động cần thiết cho những dự án nêu trong điểm 1.

(4) Những dự án nêu tại điểm 1 có thể được thay thế bằng các dự án khác với sự chấp thuận của Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức và Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

(5) Những cam kết đối với các dự án nêu tại điểm 1 và khoản đóng góp cho hợp tác kỹ thuật nêu tại điểm 2 sẽ không còn hiệu lực và không được thay thế nếu trong vòng tám năm kể từ năm cam kết, hợp đồng thực hiện cũng như hợp đồng tài trợ nếu có như nêu tại Điều 2 không được ký kết. Thời hạn đối với những cam kết trong năm nay, không ảnh hưởng về quy định tại điểm 4, sẽ chấm dứt vào ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trường hợp trong khoảng thời gian quy định này chỉ ký kết hợp đồng thực hiện cũng như hợp đồng tài trợ nếu có đối với một phần các cam kết, thì điều khoản hủy bỏ này chỉ áp dụng đối với những khoản đóng góp chưa bị ràng buộc bởi những hợp đồng đó.

Điều 2

Những chi tiết cụ thể về các dự án nêu tại điểm 1 Điều 1 cũng như về các hoạt động và nghĩa vụ cần thực hiện sẽ được quy định riêng tại từng hợp đồng thực hiện và hợp đồng tài trợ nếu có giữa các đơn vị đã được hoặc sẽ được ủy nhiệm thực hiện dự án như nêu tại điểm 2 và 3 Điều 1. Các hợp đồng thực hiện và hợp đồng tài trợ nếu có phải tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành tại Cộng hoà Liên bang Đức.

Điều 3

(1) Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam miễn giấy phép, lệ phí hải quan, lệ phí bến cảng, thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế công khác cũng như lệ phí kho bãi đối với các nguyên vật liệu, xe cộ, hàng hoá và trang thiết bị cũng như phụ tùng thay thế được cung cấp theo ủy nhiệm và bằng kinh phí của Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức cho các dự án nêu tại điểm 1 Điều 1 và đảm bảo hoàn thành thủ tục hải quan không chậm trễ. Việc miễn trừ kể trên cũng được áp dụng đối với các nguyên vật liệu mua trong lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo đề nghị của các đơn vị thực hiện dự án và ngoài ra còn bao gồm việc hoàn thuế giá trị gia tăng đã đóng theo quy định của pháp luật.

(2) Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam miễn trừ cho Tổ chức Hợp tác Kỹ thuật Đức (GTZ) tại Eschborn tất cả các loại lệ phí và thuế công khác phát sinh trên lãnh thổ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam liên quan tới việc ký kết và triển khai các hợp đồng thực hiện cũng như hợp đồng tài trợ nếu có đã nêu tại Điều 2.

Điều 4

Ngoài ra các điều khoản của Hiệp định ngày 20 tháng 11 năm 1991 về Hợp tác Kỹ thuật đã đề cập tại điểm 1 Điều 1 cũng có hiệu lực đối với Hiệp định này.

Điều 5

Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Lập tại Hà Nội ngày 08/10/2004 thành hai bộ gốc, mỗi bộ gồm bản tiếng Đức, tiếng Việt và tiếng Anh, trong đó mỗi bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự diễn giải khác nhau giữa bản tiếng Đức và bản tiếng Việt thì sẽ dùng bản tiếng Anh làm tiêu chuẩn.

Thay mặt Chính phủ
Cộng hòa XHCN Việt Nam

Nguyễn Bích Đạt
Thứ trưởng
Bộ Kế hoạch Đầu tư

Thay mặt Chính phủ
Cộng hòa Liên bang Đức

Christian-Ludwig Weber-Lörzsch
Đại sứ nước
CHLB Đức tại Việt Nam

Agreement

between

the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

and

the Government of Federal Republic of Germany

regarding Technical Cooperation

in 2003

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam
and
the Government of the Federal Republic of Germany,

in the spirit of the friendly relations existing between the Socialist Republic of Viet Nam and the Federal Republic of Germany,

desiring to strengthen and intensify those friendly relations through Technical Cooperation in a spirit of partnership,

aware that the maintenance of those relations constitutes the basis of this Agreement,

intending to contribute to social and economic development in the Socialist Republic of Viet Nam,

referring to the Summary Record of the intergovernmental negotiations of 19 November 2003,

have agreed as follows:

Article 1

(1) In pursuance of the Agreement of 20 November 1991 between the Government of the Federal Republic of Germany and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam regarding Technical Cooperation, the following projects shall be promoted:

1. Support for the Establishment of the State Audit of Viet Nam up to EUR 1,000,000 (one million euro);

2. Promotion of Reproductive Health Programme up to EUR 2,000,000 (two million euro);

3. Programme for the Management of Natural Resources up to EUR 4,500.000 (four million five hundred thousand euro);

4. Programme to Promote Small and Medium-Sized Enterprises up to EUR 5,500,000 (five million five hundred thousand euro);

5. Poverty Reduction up to EUR 2,000,000 (two million euro),

if on examination they have been found eligible for promotion.

(2) For the projects specified in paragraph 1 above the Government of the Federal Republic of Germany shall make available at its own expense contributions totalling EUR 15,000,000 (fifteen million euro) in the form of personnel, inputs and, where appropriate, financial contributions. It shall charge the Deutsche Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit (GTZ) GmbH, Eschborn, with the implementation of the projects specified in paragraph 1 (1) to (5) above.

(3) The Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall guarantee that each project is provided with an itemized budget of its own in order to ensure its smooth implementation and shall ensure that the institutions it will charge with implementation provide the necessary contributions for the projects specified in paragraph 1 above.

(4) The projects specified in paragraph 1 above may be replaced by other projects provided the Government of the Federal Republic of Germany and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam so agree.

(5) The commitments for the projects specified in paragraph 1 above and for the Technical Cooperation sum specified in paragraph 2 above shall lapse without replacement if the implementation and financing agreements referred to in Article 2 of the present Agreement are not concluded within a period of 8 years after the year in which the commitments were made. For the commitments made this year, without prejudice to the provisions of paragraph 4 above, this deadline shall be 31 December 2011. If, in the given period, implementation and financing agreements are concluded for a part of the commitments only, this cancellation clause shall apply solely to the amounts not covered by those agreements.

Article 2

Details of the projects specified in Article 1 (1) of the present Agreement and of the contributions and obligations shall be laid down in individual implementation agreements and, where appropriate, financing agreements, to be concluded between the institutions charged or to be charged under Article 1 (2) and (3) of the present Agreement with the implementation of the projects. These implementation and financing agreements shall be subject to the laws and regulations applicable in the Federal Republic of Germany.

Article 3

(1) The Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall exempt the materials, motor vehicles, goods, items of equipment and spare parts supplied for the projects referred to in Article 1 (1) of the present Agreement on behalf and at the expense of the Government of the Federal Republic of Germany from licences, customs duties, harbour dues, import and export duties and other public charges as well as storage fees, and shall ensure that these inputs are cleared by customs without delay. The aforementioned exemptions shall at the request of the implementing agencies also apply to materials procured in the Socialist Republic of Viet Nam and include in addition reimbursement of value added tax paid as required by law.

(2) The Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall exempt the Deutsche Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit (GTZ) GmbH, Eschborn, from all taxes and other public charges levied in the Socialist Republic of Viet Nam in connection with the conclusion and fulfilment of the implementation and financing agreements referred to in Article 2 of the present Agreement.

Article 4

In all other respects the provisions of the Agreement of 20 November 1991 regarding Technical Cooperation referred to in Article 1 (1) above shall apply to the present Agreement.

Article 5

This Agreement shall enter into force on the date of signature thereof.

Done at Hanoi on in duplicate in the German, Vietnamese and English languages, all three texts being authentic. In case of divergent interpretations of the German and Vietnamese texts, the English text shall prevail.

For the Government of the
Socialist Republic of Viet Nam

For the Government of the
Federal Republic of Germany

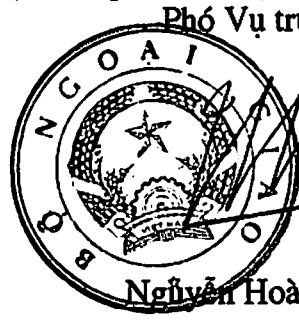
BỘ NGOẠI GIAO

Số: 117 /2004 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2004

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng



Nguyễn Hoàng Anh

Nơi nhận :

- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo),
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo),
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- Bộ Khoa học - Công nghệ,
- Bộ Thương mại,
- Bộ Tài nguyên – Môi trường,
- Bộ Tài chính,
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,
- Đại sứ quán nước Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức,
- Vụ Châu Âu 2, Bộ Ngoại giao,
- Vụ Tổng hợp kinh tế, Bộ Ngoại giao,
- Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao,
- Lưu trữ, Bộ Ngoại giao.

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức về Hợp tác kỹ thuật năm 2003 có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2004.